

Bản án số: 84/2021/DS-ST

Ngày 06/9/2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cẩn Thị Thành và ông Hoàng Minh Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Đỗ Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST – DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 09/2021/QĐST – DS, ngày 25 tháng 01 năm 2021; Quyết định tạm đình chỉ số: 09/2021/QĐST – DS, ngày 23 tháng 02 năm; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 70/2021/QĐST – DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2021/TLST – DS, ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) SGTT; Địa chỉ: số C, đường Nam K, Phường H, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông. (Theo văn bản ủy quyền số 3961/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019)

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Thanh H: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông (Văn bản ủy quyền số 113/2020/GUQ -ĐNO ngày 04/5/2020 của Giám đốc Chi nhánh Đắk Nông).

Địa chỉ: Số B, Huỳnh Thúc Kh, Phường Nghĩa Th, Thành Phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** + Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1983 – Vắng mặt
+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1985 – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Cháu Nguyễn Bá N, sinh ngày 29/4/2005 – vắng mặt.
- + Cháu Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 17/11/2009 – vắng mặt .
- + Cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 12/8/2014 – vắng mặt.
- + Người đại diện theo pháp luật cho các cháu Nguyễn Bá N, sinh ngày 29/4/2005, cháu Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 17/11/2009, cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 12/8/2014 là ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh H người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 19/03/2018 ông Nguyễn Bá T và vợ bà Trần Thị H (ông T và bà H) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắc Nông (Ngân hàng), theo Hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho các phương thức hạn mức) số: LD1807400596 ký ngày 19/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018(gọi tắt hợp đồng 1), số tiền vay: 800.000.000 đồng, lãi suất 11,50%/năm, Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 4,5%/năm; **lãi suất** quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; **Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm**; thời hạn vay 60 tháng mục đích vay: Đầu tư sản xuất nông nghiệp, ngày trả nợ cuối cùng: 19/03/2023. Phân kỳ trả nợ 09 tháng 01 lần với số tiền gốc 80.000.000 đồng.

- Ngày 21/03/2019 ông Nguyễn Bá T và vợ bà Trần Thị H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắc Nông (Ngân hàng), chi tiết như sau theo hợp đồng tín dụng số: LD 1907200709 ngày 21/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019 (gọi tắt hợp đồng 2), số tiền vay 580.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, **lãi suất** quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 4,5%/năm; **Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm**; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp, ngày trả nợ cuối cùng: 21/03/2020.

Tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng:

Biện pháp bảo đảm: Để bảo đảm cho món vay ông T và bà H đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình sau đây:

+ Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 776865 do UBND Đắc Song cấp ngày 13/05/2011, cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H tọa lạc tại xã Đắc N'Drung, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông. Thửa đất số: 26, tờ bản đồ số 136; diện tích 5575m²; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

+ Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 776863 do UBND Đắk Song cấp ngày 13/05/2011, cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H tọa lạc tại xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Thửa đất số: 34, tờ bản đồ số 136; diện tích 14.724m²; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

+ Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 776867 do UBND Đắk Song cấp ngày 13/05/2011, cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H tọa lạc tại xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Thửa đất số: 47, tờ bản đồ số 136; diện tích 7551m²; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

- Toàn bộ Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 464/2017/TCGN ngày 10/04/2017, được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc ngày 10/04/2017 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song ngày 11/04/2017. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/464/2017/TCGN ngày 19/03/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đắk Song theo đúng quy định.

- Theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ thì đến ngày 19/03/2020 và ngày 21/03/2020 ông T và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 820.151.744 đồng, trong đó: Tiền vốn gốc: của hợp đồng 1 là 80.000.000 đồng, hợp đồng 2 là 580.000.000 đồng, tổng gốc hai hợp đồng là 660.000.000 đồng, tiền lãi của hai hợp đồng là: **160.115.774 đồng**, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu ông T và bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ tuy nhiên ông T và bà H không thực hiện trả nợ. Như vậy ông T và bà H đã vi phạm cam kết được quy định tại Hợp đồng tín dụng số LD1807400596 ngày 15/03/2018 và Hợp đồng tín dụng số: LD1907200709 ngày 18/03/2019.

- Trong quá trình vay vốn, ông T và bà H đã thanh toán gốc lãi đúng hạn cho Ngân hàng, cụ thể: Theo hợp đồng tín dụng LD1807400596, ông T và bà H đã thanh toán số tiền gốc lãi đến hạn theo phân kỳ trả nợ lần 1, ngày 18/04/2019 là 176.383.561 đồng (trong đó: Tiền gốc: 80.000.000 đồng, tiền lãi: 96.383.561 đồng), đến phân kỳ trả nợ lần 2 ngày 18/03 /2020 ông T và bà H phải trả là 169.695.110 đồng (trong đó: Tiền gốc: 80.000.000 đồng, tiền lãi: 89.695.110 đồng) nhưng ông T và bà H không trả. Đối với hợp đồng số 2 thì ông T và bà H chưa trả khoản tiền gốc và lãi nào. Qua nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông T và bà H vẫn không có thiện chí trả nợ, cố tình vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn đối với hai hợp đồng tín dụng.

- Tính đến hết ngày xét xử 06/9/2021 đại diện Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc, ông T và bà H trả các khoản sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 thì tiền gốc còn nợ là 720.000.000 đồng; Tiền lãi các loại là **242.484.002 đồng** (trong đó lãi theo hợp đồng là **215.562.291 đồng**; Tiền lãi phạt quá hạn là **10.053.973 đồng**, lãi chậm trả lãi là **16.867.738 đồng**).

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD 1907200709 ngày 18/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019 thì tiền gốc còn nợ là 580.000.000 đồng; Tiền

lãi các loại 213.624.525 đồng (trong đó lãi theo hợp đồng là 157.489.863 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 46.757.534 đồng, lãi chậm trả lãi là 9.377.127 đồng).

Tổng gốc và lãi của 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử ông Tú, bà Hậu phải trả là 1.756.108.526 đồng; (trong đó tiền gốc 1.300.000.000 đồng; tiền lãi theo hợp đồng là 373.052.154 đồng; lãi phạt quá hạn 56.811.507 đồng; lãi chậm trả lãi 26.244.865 đồng).

Kể từ ngày 07/9/2021, ông T và bà H phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp ông T và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD 1907200709 ngày 18/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông T và bà H phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H trình bày: Ngày 19/3/2018 vợ chồng ông bà có vay tiền của Ngân hàng TMCP SGTT với số tiền 800.000.000 đồng, hai bên ký hợp đồng tín dụng số: LD1807400596 ký ngày 15/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018, mục đích vay: Đầu tư sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 60 tháng. Đến ngày 18/3/2019 vay tiếp số tiền 580.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tín dụng số: LD 1907200709 ngày 18/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng ông bà có thể chấp cho Ngân hàng 03 tài sản là quyền sử dụng đất số BD 776863 ngày 13/5/2011 cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 776886 ngày 13/5/2011 cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 776867 ngày 13/5/2011 cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H. Các tài sản trên được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 464/2017/TCGN ngày 10/04/2017 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/464/2017/TCGN ngày 19/03/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đắk Song theo đúng quy định. Cả ba thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn Đắk Kual 5, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Do đầu tư vào trồng tiêu rồi mất giá, tiêu chết nên đến hạn trả nợ vợ chồng ông bà chưa trả được số tiền cho Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Bá N, cháu Nguyễn Thị Yên Nh và cháu Nguyễn Thị Như Y trình bày các còn nhỏ không đóng góp gì trong số tài sản này nên tài sản của ba mẹ làm ra, nên ba mẹ các cháu vay các cháu đồng ý không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền gốc, lãi các loại tính đến ngày xét xử là **1.756.108.526** đồng (trong đó tiền gốc 1.300.000.000 đồng; tiền lãi theo hợp đồng là **373.052.154** đồng; lãi phạt quá hạn **56.811.507** đồng; lãi chậm trả lãi **26.244.865** đồng).

Sau ngày xét xử bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Trường hợp không trả nợ đề nghị xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản và thỏa thuận sửa đổi bổ sung đã ký kết.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Buộc ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản sao hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của Ngân hàng, hồ sơ khách hàng là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra còn một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H do vi phạm các Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết vào năm 2018, 2019, mục đích vay đầu tư sản xuất nông nghiệp. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” trong vụ án dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H có địa chỉ tại Thôn Đ, xã Đắk N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H được ký kết vào năm 2018, 2019. Đến hạn của kỳ đầu ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H chỉ trả được kỳ đầu tiên của hợp đồng số LD1807400596 ký ngày 15/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 với số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, sau đó ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H không trả được nợ theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng. Do vậy nguyên đơn khởi kiện bị đơn mặc dù chưa đến hạn trả nợ là không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4]. Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H và các con vắng mặt lần 2. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

- Theo Hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho các phương thức hạn mức) số: LD1807400596 ký ngày 19/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018, số tiền vay: 800.000.000 đồng, lãi suất 11,50%/năm, Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 4,5%/năm; **lãi suất** quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; **Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm**; thời hạn vay 60 tháng mục đích vay: Đầu tư sản xuất nông nghiệp, ngày trả nợ cuối cùng: 19/03/2023. Phân kỳ trả nợ 09 tháng 01 lần với số tiền gốc 80.000.000 đồng:

- Theo hợp đồng tín dụng số: LD 1907200709 ngày 21/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019 số tiền vay 580.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, **lãi suất** quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 4,5%/năm; **Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm**; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp, ngày trả nợ cuối cùng: 21/03/2020.

Hội đồng xét xử, xét thấy theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Nguyên đơn và bị đơn; Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGTT và bên vay là ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 4,5%/năm; **lãi suất** quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; **Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm**, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[3]. *Sự vi phạm nghĩa vụ của bị đơn*: Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không trả được nợ theo thỏa thuận, chỉ trả được một phần nợ gốc với số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi của kỳ đầu theo hợp đồng 1 với số tiền lãi đã trả là 96.428.203 đồng. Đối với hợp đồng 2 thì ông Tú, bà Hậu không trả tiền gốc lãi theo hợp đồng từ khi vay cho đến khi đến hạn trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 8 của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3]. *Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi các hợp đồng của nguyên đơn*: Theo Hợp đồng tín dụng số 1, 2 thì ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H vay tổng số tiền của hai hợp đồng là 1.380.000.000 đồng, đã trả được 80.000.000 đồng tiền gốc và lãi còn lại 1.300.000.000 đồng đến hạn không trả. Như vậy thời điểm trả nợ của bị đơn vào kỳ trả nợ lần 2 của hợp đồng 1 là ngày 18/06/2019 đến ngày 18/3/2020 phải trả 80.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định nhưng bị đơn không thanh toán được cả nợ gốc và lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc trực tiếp với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không thanh toán được. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Tòa án nhân dân huyện Đắk Song yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. *Xét yêu cầu tính lãi của các hợp đồng*: Theo các hợp đồng tín dụng thì lãi suất 11%/năm, Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 4,5%/năm; **lãi suất** quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; **Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm** là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

+ Ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải trả theo Hợp đồng tín dụng số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 thì tiền gốc còn nợ là 720.000.000 đồng; Tiền lãi các loại là **242.484.002** (trong đó lãi theo hợp đồng là **215.562.291** đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là **10.053.973** đồng, lãi chậm trả lãi là **16.867.738** đồng).

+ Ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD 1907200709 ngày 18/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019 thì tiền gốc còn nợ là 580.000.000 đồng; Tiền lãi các loại **213.624.525** đồng (trong đó lãi theo hợp đồng là **157.489.863** đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là **46.757.534** đồng, lãi chậm trả lãi là **9.377.127** đồng).

- Tính đến ngày xét xử 06/9/2021, bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 02 hợp đồng là **1.756.108.526** đồng (Có bảng tính lãi chi tiết kèm theo) trong đó: tiền gốc là 1.300.000.000 đồng; tiền lãi theo hợp đồng là **373.052.154** đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là **56.811.507** đồng, tiền lãi chậm trả lãi **26.244.865 đồng**. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi

nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi các loại, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2021 với số tiền **1.756.108.526** đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Kể từ ngày 07/9/2021, ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số LD1807400596 ký ngày 18/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD 1907200709 ngày 18/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

[6]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp số: 464/2017/TCGN ngày 10/04/2017, và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/464/2017/TCGN ngày 19/03/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đắk Song theo đúng quy định.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2020 thể hiện:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 776865 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 13/5/2011 cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H tọa lạc tại xã Đắk N'đrung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Thửa đất số: 26, tờ bản đồ 136, diện tích 5.575m², diện tích thực tế đủ với diện tích được cấp

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 776863 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 13/5/2011 cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H tọa lạc tại xã Đắk N'đrung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Thửa đất số: 34, tờ bản đồ số: 136, diện tích 14.724m², diện tích thực tế đủ với diện tích được cấp

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 776867 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 13/5/2011, cấp cho hộ ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H tọa lạc tại xã Đắk N'đrung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Thửa đất số: 47, tờ bản đồ số: 136, diện tích 7.551m², mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, diện tích thực tế đủ với diện tích được cấp.

Toàn bộ tài sản đất của các tài sản 1, 2, 3 gồm: 01 nhà xây tạm diện tích khoảng 60m², tường gạch không tô, mái lợp tôn; 01 giếng nước đào; Về cây trồng gồm cây tiêu khoảng 2700 trụ, cây cà phê kinh doanh khoảng 1000 cây, cây ăn trái gồm: Xoài, Bơ, Sầu riêng, Mít thái (không kiểm đếm cụ thể), tài sản trên hiện nay ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H đang quản lý sử dụng.

Xét thấy việc ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H thế chấp Hợp đồng thế chấp số 464/2017/TCGN ngày 10/04/2017 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số

01/464/2017/TCGN ngày 19/03/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H và được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đắk Song theo đúng quy định để đảm bảo cho các khoản vay 02 Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số LD1807400596 ký ngày 15/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD 1907200709 ngày 18/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, các thành viên trong hộ ông Tú gồm các con ông Tú, bà Hậu là các cháu Nguyễn Bá N, sinh ngày 29/4/2005, cháu Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 17/11/2009 và cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 12/8/2014 tại thời điểm đăng ký thế chấp thì các cháu dưới 15 tuổi nên theo quy định của Luật đất đai 2013 (Điều 179) điều 64, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Luật dân sự Điều 21, Điều 212, Luật công chứng, mặc dù các cháu là thành viên hộ gia đình không ký tên vào hợp đồng thế chấp nhưng không có phản đối hay có ý kiến gì khác; các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực kể từ ngày ký kết, đăng ký; trong đó có điều khoản: Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi dư nợ của bên thế chấp. Như vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là đúng pháp luật vì vậy trường hợp ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ đối với 02 Hợp đồng tín dụng số LD1807400596 ký ngày 18/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD 1907200709 ngày 18/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp cần chấp nhận.

[8]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.0000.000 đồng (ba triệu đồng) theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP SGTT.

[9]. Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải chịu án phí của số tiền 1.756.108.526 đồng là 64.683.256 đồng = { (36.000.000 đồng + (956.108.526 đồng x 3%) = 28.683.256 đồng } án phí dân sự sơ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 28.156.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT (đại diện nhận tiền là Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Đắk Nông) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 0001759, ngày 26/6/2020.

[10]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 157; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 Thông tư số: 39/2016/TT – NHNN, ngày 30/12/2016; Điều 410, Điều 418; Điều 429, Điều 463, Điều 466; Điều 470; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 320; Điều 323; Điều 429 của Bộ luật Dân sự. **Khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 Luật đất đai.**

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương Mại Cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi là **1.756.108.526 đồng**(*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, một trăm linh tám nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc là: **1.300.000.000 đồng** (*bằng chữ: Một tỷ ba trăm triệu đồng*); tiền lãi trong hạn: **373.052.154 đồng**(*bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, một trăm năm bốn đồng*); lãi phạt quá hạn **56.811.507 đồng**(*bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, tám trăm mười một nghìn năm trăm linh bảy đồng*); lãi chậm trả lãi **26.244.865 đồng**(*bằng chữ: Hai mươi sáu triệu hai trăm bốn bốn nghìn tám trăm sáu lăm đồng*).

- Kể từ ngày 07/9/2021;

+ Buộc ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số LD1807400596 ký ngày 15/03/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1807400596 ngày 19/03/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD 1907200709 ngày 18/3/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1907200709 ngày 21/03/2019 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

+ Trường hợp ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp số 464/2017/TCGN ngày 10/04/2017 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/464/2017/TCGN ngày 19/03/2018 được ký kết giữa Ngân hàng

TMCP SGTT với ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H và được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đắk Song

+ Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Nguyên đơn.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.0000.000 đồng (ba triệu đồng). Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP SGTT.

3. Án phí dân sự:

- Buộc ông Nguyễn Bá T và bà Trần Thị H phải chịu số tiền **64.683.000 đồng (làm tròn số)** (*Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 28.156.000 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT (đại diện nhận tiền là Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 0001759 ngày 26/6/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ

